

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HÀ NỘI**

Bản án số: 76/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 06 - 02 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Trường

Bà Nguyễn Thị Chiêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 213/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị B, sinh năm 1988; số căn cước công dân 040188022266 do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/9/2022.

Địa chỉ: Cụm 10 - Thọ X, xã Liên M, thành phố Hà Nội; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Minh L, sinh năm 1984; số định danh cá nhân 001084077946.

Địa chỉ: Cụm 10 - Thọ X, xã Liên M, thành phố Hà Nội; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Vi Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Minh L kết hôn năm 2009 tại UBND xã Nga M, huyện Tương D (Nay là xã Nga M), tỉnh Nghệ An trên cơ sở

tự nguyện. Trước khi kết hôn, chị và anh L được tự do tìm hiểu nhau khoảng gần 3 năm. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh L tại gia đình bố mẹ đẻ anh L ở cụm 10 - Thọ X, xã Liên M, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn trầm trọng nhất từ năm 2022. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Sau đó, vợ chồng đều chuyển ra ngoài sinh sống mỗi người ở một nơi và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa nên chị không rõ anh L sinh sống ở đâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Cháu Trần Minh T, sinh ngày 25/3/2009. Hiện tại, cháu T đang sinh sống cùng bố mẹ anh L nhưng chị vẫn thường xuyên thăm nom, chu cấp nuôi dưỡng cháu T. Ly hôn, chị xin nuôi cháu T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị là lao động tự do thu nhập bình quân trên 15.000.000 đồng/tháng; còn anh L hiện không sinh sống tại địa phương nên chị không rõ anh L làm nghề gì và thu nhập cụ thể thế nào.

Về phần tài sản chung, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Không có.

* Bị đơn anh Trần Minh L được tổng đạt hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành các thủ tục tố tụng với anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát B quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như trong quá trình điều tra và thu thập chứng cứ vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng và quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa chị B, anh L trầm trọng từ giữa năm 2022, hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, kể từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị B, cho chị B được ly hôn với anh Trần Minh L. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu Trần Minh T cho chị B nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Chị B xác định không có tài sản chung, nợ và công sức đóng góp nên không phải xem xét giải quyết. Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vi Thị B khởi kiện anh Trần Minh L có địa chỉ: Cụm 10 – Thọ Xuân, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Anh L đăng ký hộ khẩu thường trú tại cụm 10 - Thọ Xuân, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội, anh L chưa chuyển khẩu và cũng không đăng ký tạm trú tại địa chỉ nào khác. Xác minh thông tin tại Cục xuất nhập cảnh thể hiện: Anh L đã xuất cảnh qua sân bay Nội Bài và chưa có thông tin nhập cảnh. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và tổng đạt các văn bản cho người thân cùng đăng ký địa chỉ thường trú với anh L về việc Tòa án thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị B xin ly hôn anh L. Người thân của anh L đã nhận văn bản và cam kết giao lại văn bản cho anh L. Đồng thời người thân của anh L cung cấp thông tin: Hàng tuần, anh L có liên lạc với gia đình và người thân qua ứng dụng xã hội Messenger, đã được thông báo các văn bản tố tụng liên quan đến việc chị B xin ly hôn anh tại Tòa án, yêu cầu anh L gửi văn bản và cung cấp địa chỉ cho Tòa án để thực hiện việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng nhưng anh L không cung cấp địa chỉ cho người thân. Do vậy, người thân của anh L không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án.

Toà án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho người thân của anh L đồng thời niêm yết văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà tại nơi cư trú của anh L nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị B, anh L là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207, Điều 208, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của chị Vi Thị B xin ly hôn anh Trần Minh L.

Chị Vi Thị B và anh Trần Minh L đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Nga My, huyện Tương Dương (nay là xã Nga My), tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Theo chị B, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay, kể từ đó vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Anh L hiện không sinh sống tại Việt Nam, đã được tổng đạt văn bản tố tụng về việc chị B xin ly hôn anh L nhưng anh L không có văn bản nêu ý kiến cũng như ý chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị B và anh L đã đến mức độ trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị B, cho chị B được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của chị B xin được nuôi cháu Trần Minh T.

Chị Vi Thị B và anh Trần Minh L xác định có 01 con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 25/3/2009. Chị B có nguyện vọng nuôi cháu T và cháu T có nguyện vọng được ở cùng chị B. Xét thấy, anh L không có mặt tại địa phương, để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên nên giao cháu T cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị B không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị B là tự nguyện có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị B xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Vi Thị B và anh Trần Minh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị B. Cho chị Vi Thị B được ly hôn với anh Trần Minh L.

2. Về con chung: Chị Vi Thị B và anh Trần Minh L có 01 con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 25/3/2009. Giao cháu Trần Minh T cho chị B nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Vi Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011454 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Vi Thị B, anh Trần Minh L vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 8 – Hà Nội;
- THAD thành phố Hà Nội;
- UBND xã Nga My, tỉnh Nghệ An,
(Số 04, quyền số 02, đăng ký
ngày 09/02/2009 tại UBND xã Nga My);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN